TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 28 **Tại phòng: 402**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800001	8A5	Đặng Hoàng An	09/09/2005					
2	800002	8A5	Ngô Quốc An	12/12/2005					
3	800003	8A2	Nguyễn Quốc An	12/11/2005					
4	800004	8A4	Trịnh Việt An	10/04/2005					
5	800005	8A5	An Nguyễn Tuệ Anh	23/10/2005					
6	800006	8A6	Bùi Phương Anh	07/02/2005					
7	800007	8A4	Chu Bá Anh	15/12/2005					
8	800008	8A2	Đàm Tiến Anh	09/09/2005					
9	800009	8A2	Đào Nguyễn Hải Anh	02/10/2005					
10	800010	8A6	Đặng Kim Anh	20/09/2005					
11	800011	8A4	Đặng Nam Anh	21/01/2005					
12	800012	8A5	Đặng Quỳnh Anh	28/11/2005					
13	800013	8A3	Đỗ Ngọc Quỳnh Anh	12/12/2005					
14	800014	8A2	Hoàng Châu Anh	13/02/2005					
15	800015	8A1	Kiều Đức Anh	29/05/2005					
16	800016	8A4	Lê Hiền Anh	04/05/2005					
17	800017	8A4	Nguyễn Đức Anh	18/02/2005					
18	800018	8A3	Nguyễn Hoàng Anh	12/05/2005					
19	800019	8A1	Nguyễn Ngọc Anh	07/09/2005					
20	800020	8A4	Nguyễn Phùng Duy Anh	25/04/2005					
21	800021	8A2	Nguyễn Phương Anh	29/12/2005					
22	800022	8A6	Nguyễn Quốc Anh	06/02/2005					
23	800023	8A4	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/08/2005					
24	800024	8A3	Phạm Hải Anh	22/08/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 29 **Tại phòng: 403**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800025	8A6	Phạm Minh Anh	15/01/2005					
2	800026	8A6	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005					
3	800027	8A3	Phan Giang Việt Anh	06/06/2005					
4	800028	8A5	Phùng Nguyễn Đức Anh	07/09/2005					
5	800029	8A2	Trần Hoàng Anh	20/11/2005					
6	800030	8A6	Trần Phương Anh	13/11/2005					
7	800031	8A1	Trương Thảo Anh	29/03/2005					
8	800032	8A4	Nguyễn Hoàng Ân	28/01/2005					
9	800033	8A3	Đặng Quang Bách	04/08/2005					
10	800034	8A4	Bùi Gia Bảo	08/01/2005					
11	800035	8A1	Đỗ Đình Quốc Bảo	02/10/2005					
12	800036	8A5	Nguyễn Vũ Gia Bảo	26/07/2005					
13	800037	8A6	Phạm Gia Bảo	05/08/2005					
14	800038	8A1	Đỗ Thanh Bình	30/07/2005					
15	800039	8A2	Lê Đăng Thanh Bình	25/06/2005					
16	800040	8A5	Nguyễn Tuấn Bình	29/03/2005					
17	800041	8A4	Phạm Hải Bình	27/08/2005					
18	800042	8A1	Lê Nguyễn Lam Cầm	07/02/2005					
19	800043	8A1	Nguyễn Minh Châu	29/01/2005					
20	800044	8A4	Phạm Bảo Châu	05/07/2005					
21	800045	8A2	Phạm Thùy Châu	16/07/2005					
22	800046	8A4	Trần Minh Châu	21/10/2005					
23	800047	8A5	Hoàng Mai Chi	05/03/2005					
24	800048	8A1	Hoàng Phương Chi	18/05/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 30 **Tại phòng: 404**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800049	8A4	Nguyễn Linh Chi	08/01/2005					
2	800050	8A5	Trần Linh Chi	23/09/2004					
3	800051	8A2	Trần Mai Chi	16/12/2005					
4	800052	8A5	Bùi Thành Công	04/04/2005					
5	800053	8A6	Bùi Thành Công	05/10/2005					
6	800054	8A1	Phan Quỳnh Diệp	15/04/2005					
7	800055	8A1	Bùi Anh Dũng	27/09/2005					
8	800056	8A4	Lê Tuấn Dũng	20/06/2005					
9	800057	8A4	Vũ Anh Dũng	08/04/2005					
10	800058	8A5	Nguyễn Phúc Hải Duy	18/05/2005					
11	800059	8A6	Nguyễn Quang Duy	27/09/2005					
12	800060	8A5	Vũ Thế Duy	02/10/2005					
13	800061	8A3	Trần Thùy Dương	26/12/2005					
14	800062	8A4	Điều Phước Đạt	15/07/2005					
15	800063	8A6	Đỗ Thành Đạt	17/04/2005					
16	800064	8A4	Ngô Thành Đạt	17/01/2005					
17	800065	8A6	Đường Hải Đăng	03/08/2005					
18	800066	8A4	Nguyễn Dược Đình	15/03/2005					
19	800067	8A1	Nguyễn Đình Minh Đức	15/05/2005					
20	800068	8A2	Nguyễn Huy Đức	24/09/2005					
21	800069	8A3	Nguyễn Trung Đức	31/08/2005					
22	800070	8A3	Nguyễn Tuấn Đức	19/06/2005					
23	800071	8A5	Nguyễn Tư Đức	12/10/2005					
24	800072	8A3	Phạm Gia Đức	02/02/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 31 **Tại phòng: 405**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800073	8A5	Cao Linh Giang	20/01/2005					
2	800074	8A5	Đặng Thu Giang	30/08/2005					
3	800075	8A2	Đỗ Ngọc Giang	26/03/2005					
4	800076	8A1	Hoàng Trường Giang	10/05/2005					
5	800077	8A4	Nguyễn Hương Giang	16/08/2005					
6	800078	8A1	Trần Hương Giang	20/10/2005					
7	800079	8A4	Lê Trần Ngọc Hà	23/01/2005					
8	800080	8A6	Nguyễn Hoàng Trúc Hà	30/07/2005					
9	800081	8A1	Nguyễn Minh Hà	21/11/2005					
10	800082	8A3	Nguyễn Minh Hà	04/11/2005					
11	800083	8A2	Nguyễn Thanh Hà	06/12/2005					
12	800084	8A4	Phạm Thị Ngọc Hà	18/03/2005					
13	800085	8A1	Trần Thị Việt Hà	05/01/2005					
14	800086	8A6	Nguyễn Đức Hải	30/03/2005					
15	800087	8A6	Nguyễn Trung Hải	04/10/2005					
16	800088	8A4	Nguyễn Bích Hạnh	01/07/2005					
17	800089	8A1	Trần Đức Hào	13/04/2005					
18	800090	8A4	Nguyễn Thanh Hằng	01/07/2005					
19	800091	8A4	Nguyễn Thị Minh Hằng	01/11/2005					
20	800092	8A2	Đỗ Thúy Hiền	14/05/2005					
21	800093	8A5	Hà Minh Hiền	25/01/2005					
22	800094	8A1	Nguyễn Lê Chí Hiếu	11/08/2005					
23	800095	8A2	Trần Đức Hiếu	26/12/2005					
24	800096	8A1	Nguyễn Việt Hoàn	23/03/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 32 **Tại phòng: 407**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800097	8A4	Đàm Duy Hoàng	31/12/2005					
2	800098	8A2	Đinh Vũ Hoàng	27/09/2005					
3	800099	8A1	Phạm Minh Hoàng	17/05/2005					
4	800100	8A6	Trần Hữu Hoàng	13/12/2005					
5	800101	8A6	Vương Huy Hoàng	29/09/2005					
6	800102	8A4	Nguyễn Gia Huy	14/10/2005					
7	800103	8A3	Nguyễn Thành Huy	21/11/2005					
8	800104	8A1	Phạm Đức Huy	08/07/2005					
9	800105	8A3	Đoàn Minh Huyền	23/08/2005					
10	800106	8A3	Phạm Lê Khánh Huyền	10/05/2005					
11	800107	8A3	Phan Thanh Huyền	28/08/2005					
12	800108	8A5	Trần Ngọc Huyền	27/07/2005					
13	800109	8A2	Nguyễn Xuân Hưng	17/09/2005					
14	800110	8A2	Phạm Nguyễn Thế Hưng	08/08/2005					
15	800111	8A6	Trần Đào Việt Hưng	09/07/2005					
16	800112	8A1	Bạch Ngọc Lan Hương	24/12/2005					
17	800113	8A4	Vũ Đồng Thu Hương	07/09/2005					
18	800114	8A5	Nguyễn Thị Ngọc Hường	24/02/2005					
19	800115	8A2	Đỗ Trọng Khải	22/08/2005					
20	800116	8A3	Đặng Ngọc Khánh	28/03/2005					
21	800117	8A6	Nguyễn Đăng Khánh	09/07/2005					
22	800118	8A2	Nguyễn An Khoa	13/05/2005					
23	800119	8A3	Đinh Huy Tuấn Khôi	18/10/2005					
24	800120	8A3	Nguyễn Ngọc Lam Khuê	08/07/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 33 **Tại phòng: 410**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800121	8A2	Ngô Trung Kiên	25/07/2005					
2	800122	8A1	Tô Hữu Kỳ	08/07/2005					
3	800123	8A5	Dương Thùy Linh	16/08/2005					
4	800124	8A2	Đặng Thùy Linh	28/05/2005					
5	800125	8A6	Lê Gia Linh	23/10/2005					
6	800126	8A3	Lương Nhật Linh	23/10/2005					
7	800127	8A2	Ngô Vũ Gia Linh	19/12/2005					
8	800128	8A4	Nguyễn Cẩm Linh	11/05/2005					
9	800129	8A2	Nguyễn Gia Linh	16/09/2005					
10	800130	8A5	Nguyễn Hạnh Linh	18/07/2005					
11	800131	8A1	Nguyễn Khánh Linh	19/06/2005					
12	800132	8A1	Nguyễn Mỹ Linh	19/06/2005					
13	800133	8A5	Nguyễn Ngọc Linh	31/08/2005					
14	800134	8A6	Nguyễn Phương Linh	24/03/2005					
15	800135	8A6	Nguyễn Phương Hà Linh	13/10/2005					
16	800136	8A2	Nguyễn Thảo Đan Linh	15/11/2005					
17	800137	8A6	Nguyễn Thùy Linh	13/03/2005					
18	800138	8A6	Nguyễn Tố Linh	26/10/2005					
19	800139	8A1	Nguyễn Tú Linh	11/12/2005					
20	800140	8A2	Nguyễn Việt Phương Linh	06/07/2005					
21	800141	8A5	Nguyễn Vũ Gia Linh	26/07/2005					
22	800142	8A1	Phùng Phương Linh	09/12/2005					
23	800143	8A3	Vũ Khánh Linh	22/12/2005					
24	800144	8A6	Vũ Thảo Linh	09/01/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 34 **Tại phòng: 411**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800145	8A5	Vũ Thùy Linh	01/04/2005					
2	800146	8A5	Lê Nhật Long	25/11/2005					
3	800147	8A5	Nguyễn Hải Long	30/08/2005					
4	800148	8A5	Nguyễn Hoành Long	13/10/2005					
5	800149	8A5	Phạm Vũ Hoàng Long	05/03/2005					
6	800150	8A6	Nguyễn Phương Ly	27/01/2005					
7	800151	8A3	Lê Chi Mai	04/04/2005					
8	800152	8A1	Phạm Ngọc Mai	27/08/2005					
9	800153	8A5	Đặng Đình Quang Minh	05/06/2005					
10	800154	8A2	Đỗ Tâm Minh	07/12/2005					
11	800155	8A6	Đỗ Tuệ Minh	19/09/2005					
12	800156	8A4	Hoàng Dương Song Minh	22/09/2005					
13	800157	8A6	Lê Hoàng Minh	15/06/2005					
14	800158	8A1	Lê Quang Minh	23/09/2005					
15	800159	8A6	Nguyễn Hoàng Minh	24/07/2005					
16	800160	8A2	Nguyễn Kim Minh	11/11/2005					
17	800161	8A5	Nguyễn Nguyệt Minh	04/02/2016					
18	800162	8A6	Nguyễn Nguyệt Minh	18/11/2005					
19	800163	8A3	Nguyễn Phan Nhật Minh	26/01/2005					
20	800164	8A3	Phạm Lê Minh	04/11/2005					
21	800165	8A2	Phạm Ngọc Bình Minh	04/07/2005					
22	800166	8A2	Thái Hồng Minh	30/10/2005					
23	800167	8A4	Trần Bình Minh	09/07/2005					
24	800168	8A5	Trần Ngọc Minh	21/07/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 35 **Tại phòng: 412**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800169	8A6	Trần Nhật Minh	12/10/2005					
2	800170	8A5	Trịnh Vũ Hiểu Minh	08/01/2005					
3	800171	8A4	Vũ Hoàng Minh	05/10/2005					
4	800172	8A5	Vũ Nhật Minh	13/05/2005					
5	800173	8A2	Nguyễn Trà My	22/06/2005					
6	800174	8A3	Nguyễn Trà My	29/07/2005					
7	800175	8A6	Đinh Hải Nam	23/01/2005					
8	800176	8A1	Lê Quang Nam	14/01/2005					
9	800177	8A4	Phạm Hoàng Nam	17/03/2005					
10	800178	8A2	Trần Quỳnh Nga	03/05/2005					
11	800179	8A4	Hoàng Thị Kim Ngân	09/12/2005					
12	800180	8A5	Nguyễn Trần Thu Ngân	30/09/2005					
13	800181	8A6	Nguyễn Tường Thiên Ngân	04/09/2005					
14	800182	8A2	Nguyễn Xuân Ngân	07/03/2005					
15	800183	8A3	Nguyễn Trọng Nghĩa	08/05/2005					
16	800184	8A2	Phạm Khắc Nghĩa	24/03/2005					
17	800185	8A1	Nguyễn Khánh Ngọc	12/04/2005					
18	800186	8A3	Phùng Như Ngọc	12/09/2005					
19	800187	8A2	Võ Minh Ngọc	22/10/2005					
20	800188	8A6	Vũ Ánh Ngọc	23/05/2005					
21	800189	8A3	Trịnh Xuân Nguyên	07/09/2005					
22	800190	8A6	Vũ Đình Nguyên	21/02/2005					
23	800191	8A5	Lê Trọng Nhân	01/05/2005					
24	800192	8A6	Nguyễn Đức Nhẫn	08/04/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 36 **Tại phòng: 415**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800193	8A2	Nguyễn Trần Thống Nhất	19/01/2005					
2	800194	8A4	Nguyễn Thùy Nhi	30/07/2005					
3	800195	8A5	Phạm Nguyễn Quỳnh Nhi	04/07/2005					
4	800196	8A3	Phùng Lê Lâm Nhi	20/06/2005					
5	800197	8A4	Trần Ngọc Yến Nhi	27/01/2005					
6	800198	8A6	Đỗ An Như	10/05/2005					
7	800199	8A3	Trần Quỳnh Như	06/10/2005					
8	800200	8A6	Nguyễn Đạt Phúc	25/04/2005					
9	800201	8A4	Phùng Đức Phúc	03/09/2005					
10	800202	8A3	Đỗ Lan Phương	28/03/2005					
11	800203	8A1	Nguyễn Mai Phương	24/11/2005					
12	800204	8A6	Nguyễn Minh Phương	02/01/2005					
13	800205	8A5	Trịnh Đức Phương	13/11/2005					
14	800206	8A5	Trịnh Hiểu Phương	11/04/2005					
15	800207	8A3	Trương Hà Phương	19/04/2005					
16	800208	8A1	Đỗ Đình Quang	16/03/2005					
17	800209	8A3	Lê Vũ Nhật Quang	25/03/2005					
18	800210	8A2	Nguyễn Huy Quang	13/05/2005					
19	800211	8A1	Nguyễn Minh Quang	22/04/2005					
20	800212	8A2	Nguyễn Minh Quang	11/09/2005					
21	800213	8A4	Vương Duy Quang	23/01/2005					
22	800214	8A4	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005					
23	800215	8A1	Nguyễn Mạnh Quân	17/11/2005					
24	800216	8A5	Nguyễn Trần Hồng Quân	10/03/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 37 **Tại phòng: 416**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800217	8A6	Vũ Mạnh Quyền	16/04/2005					
2	800218	8A5	Phạm Nguyễn Thu Sang	11/10/2005					
3	800219	8A4	Công Nghĩa Nam Sơn	27/09/2005					
4	800220	8A1	Dương Hải Sơn	31/08/2005					
5	800221	8A2	Dương Thái Sơn	09/11/2005					
6	800222	8A1	Lê Khánh Mạnh Sơn	17/03/2005					
7	800223	8A3	Ngô Duy Sơn	16/07/2005					
8	800224	8A1	Tôn Thái Sơn	01/02/2005					
9	800225	8A4	Trần Nam Sơn	28/03/2005					
10	800226	8A3	Bùi Nam Thành	06/03/2005					
11	800227	8A5	Nguyễn Trường Thành	12/03/2005					
12	800228	8A2	Đặng Phương Thảo	18/06/2005					
13	800229	8A1	Lưu Phương Thảo	22/04/2005					
14	800230	8A6	Nguyễn Phương Thảo	03/06/2005					
15	800231	8A3	Nguyễn Khánh Thi	11/12/2005					
16	800232	8A5	Đặng Trần Anh Thư	25/03/2005					
17	800233	8A2	Phạm Minh Thư	10/05/2005					
18	800234	8A5	Lê Minh Thy	19/01/2005					
19	800235	8A4	Bùi Duy Tiến	14/10/2005					
20	800236	8A1	Nguyễn Hữu Toàn	02/01/2005					
21	800237	8A2	Phạm Hương Trà	07/04/2005					
22	800238	8A3	Cung Thùy Trang	08/09/2005					
23	800239	8A4	Đặng Thùy Trang	15/08/2005					
24	800240	8A3	Nguyễn Hà Trang	17/05/2005					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 8

Phòng số: 38 **Tại phòng: 417**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800241	8A4	Nguyễn Hà Trang	26/10/2005					
2	800242	8A6	Nguyễn Hoàng Thu Trang	25/02/2005					
3	800243	8A6	Nguyễn Kiều Trang	19/03/2005					
4	800244	8A6	Nguyễn Lê Thu Trang	23/05/2005					
5	800245	8A4	Nguyễn Mai Trang	28/09/2005					
6	800246	8A1	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/11/2005					
7	800247	8A3	Phạm Quỳnh Trang	17/04/2005					
8	800248	8A6	Từ Minh Trang	15/09/2005					
9	800249	8A1	Vũ Ngọc Thùy Trang	27/09/2005					
10	800250	8A1	Nguyễn Tố Trân	29/09/2005					
11	800251	8A1	Nguyễn Thành Trung	15/12/2005					
12	800252	8A5	Tạ Đình Trung	06/08/2005					
13	800253	8A3	Bùi Nguyễn Vân Trường	10/11/2005					
14	800254	8A5	Chu Anh Trường	17/08/2005					
15	800255	8A4	Ninh Duy Tuân	27/03/2005					
16	800256	8A2	Nguyễn Sơn Tùng	20/06/2005					
17	800257	8A3	Nguyễn Bùi Thanh Vân	04/03/2005					
18	800258	8A3	Nguyễn Hà Vi	28/12/2005					
19	800259	8A3	Vũ Khánh Vi	10/06/2005					
20	800260	8A4	Đỗ Quốc Việt	09/01/2005					
21	800261	8A3	Trần Quốc Việt	02/09/2005					
22	800262	8A2	Nguyễn Liêm Vĩnh	28/02/2005					
23	800263	8A3	Trịnh Thiên Ý	12/09/2005					
24									
25									